

Số: 482 /BC-UBND

Nghệ An, ngày 25 tháng 6 năm 2024

## BÁO CÁO

### Tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính tháng 6 năm 2024 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Thực hiện Công văn số 5633/VPCP-KSTT ngày 25/7/2023 của Văn phòng Chính phủ về báo cáo tháng công tác cải cách thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là TTHC), Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách TTHC tháng 6 năm 2024 trên địa bàn tỉnh Nghệ An như sau:

#### I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

##### 1. Về cải cách việc quy định TTHC

1.1. Kết quả đánh giá tác động và thẩm định TTHC trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC

Thẩm định các văn bản có chứa TTHC 01 Quyết định. Trong đó, số TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL đã được thẩm định: 02 (Mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực nông nghiệp; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An).

1.2. Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC

a) Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:

- Số lượng TTHC nội bộ đã công bố: 60 (Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc công bố TTHC nội bộ giữa các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An);

- Số lượng TTHC nội bộ đã được phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa: 11 (Quyết định số 4438/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt Phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An năm 2023).

b) Kết quả thực thi phương án phân cấp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ:

Thực hiện theo phân cấp trong văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương.

### 1.3. Tổng số TTHC được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ

Trong tháng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh không ban hành văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC.

## 2. Về cải cách việc thực hiện TTHC

Về kết quả hợp nhất, kết nối các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết TTHC:

- Hoàn thành việc xây dựng, kết nối, tích hợp kho dữ liệu điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Công Dịch vụ công quốc gia;

- Hoàn thành việc kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh để phục vụ việc chia sẻ kết quả, hồ sơ giải quyết TTHC.

## 3. Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị

Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định và hành vi hành chính: Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận: 201 phản ánh, kiến nghị (Trong đó: 189 phản ánh, kiến nghị tiếp nhận trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị của Công Dịch vụ công quốc gia; 12 phản ánh, kiến nghị tiếp nhận qua số điện thoại tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tỉnh); số phản ánh, kiến nghị đã xử lý đúng hạn: 201; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý quá hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 0.

## II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

**1. Đánh giá chung:** Về mức độ hoàn thành công tác cải cách TTHC, có so sánh với kỳ báo cáo trước: Hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo yêu cầu.

### 2. Những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

#### 2.1. Tồn tại, hạn chế

a) Công tác kết nối, đồng bộ dữ liệu với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với các hệ thống chuyên ngành của Bộ, ban, ngành còn hạn chế: Việc tiếp nhận TTHC hiện nay được thực hiện trên nhiều Hệ thống thông tin giải quyết và cơ sở dữ liệu khác nhau (của Bộ, ngành và địa phương); việc chia sẻ thông tin mới thực hiện được ở mức độ tra cứu, dẫn đến việc thống kê, theo dõi, giám sát của địa phương còn gặp nhiều khó khăn (*Các hệ thống dùng chung của Bộ Tư pháp, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư...*).

b) Hồ sơ tiếp nhận trực tuyến ở các địa phương và tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh/Công dịch vụ công quốc gia còn thấp. Hồ sơ phát sinh nhiều chủ yếu thuộc các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; lĩnh vực Hộ tịch, lĩnh vực thường trú được thực hiện ở cấp huyện, cấp xã.

c) Việc đánh giá theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ trên Công Dịch vụ công quốc gia vẫn còn một số chỉ tiêu chưa

đánh giá chi tiết từng Sở, ngành cấp tỉnh và từng đơn vị cấp huyện, cấp xã dẫn đến việc công khai định kỳ hàng tháng trên Cổng Thông tin điện tử và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh danh sách cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức người lao động giải quyết hồ sơ chậm muộn, những nhiều, tiêu cực còn chưa chính xác. Tuy nhiên, UBND tỉnh đã giao Văn phòng UBND tỉnh và các Sở ngành liên quan theo dõi, phân tích các chỉ số của địa phương để tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh đôn đốc, phê bình kịp thời đối với các Sở, ngành, địa phương thực hiện chưa đúng việc tiếp nhận hồ sơ TTHC, có hồ sơ chậm hoặc có hành vi những nhiều, tiêu cực.

## 2.2. Nguyên nhân

a) Một số hệ thống của Bộ, ngành chưa ổn định, thường xuyên gặp sự cố kết nối dẫn tới việc đồng bộ hồ sơ chưa đảm bảo tính thông suốt, đặc biệt như lĩnh vực Lý lịch tư pháp, cấp đổi giấy phép lái xe; đăng ký doanh nghiệp...;

b) Một số Bộ, Ngành chưa có văn bản hướng dẫn chi phí đồng bộ dữ liệu với hệ thống khác;

c) Do các yếu tố liên quan đến việc cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến: Tỷ lệ chứng thực điện tử chưa cao; do kỹ năng của người dân trong thao tác thực hiện dịch vụ công trực tuyến còn hạn chế; công tác truyền thông về thực hiện dịch vụ công trực tuyến một số cấp huyện, xã chưa thường xuyên.

## III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA THÁNG TIẾP THEO

1. Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các nhiệm vụ thường xuyên trong công tác cải cách TTHC theo yêu cầu của Chính phủ, các Bộ, Ngành Trung ương, Tỉnh ủy.

2. Tiếp tục phối hợp với các Bộ, Ngành, cơ quan liên quan để kết nối, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống.

3. Tiếp tục thực hiện công tác làm sạch dữ liệu, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu của các hệ thống.

4. Tiếp tục thực hiện đơn giản hoá TTHC, TTHC nội bộ theo kế hoạch đề ra.

5. Thực hiện tổng hợp, đánh giá kết quả các Chương trình, Kế hoạch, Đề án.

## IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

### 1. Đề nghị các Bộ, ngành:

- Tiếp tục phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, ban hành Thông tư quy định về giảm phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến đối với các TTHC thuộc thẩm quyền quản lý như: TTHC cấp phiếu Lý lịch tư pháp của Bộ Tư pháp; TTHC Thú y của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các TTHC có số lượng giao dịch nhiều... để tạo cơ chế ưu đãi nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp

thực hiện dịch vụ công trực tuyến;

- Kiến nghị các Bộ, Ngành rà soát, xem xét, quyết định điều chỉnh thống nhất thời gian giải quyết cho tất cả các thủ tục hành chính là “ngày làm việc” (Ví dụ như: Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Công Thương...).

Lý do: Hiện nay, thủ tục hành chính một số Bộ, Ngành công bố có thời gian xử lý thủ tục hành chính không đồng nhất mà có cả đơn vị là “ngày làm việc” và “ngày”. Trong thực tế, thời gian nghỉ cuối tuần, các ngày lễ, tết trong năm có dịp dài lên đến 7-9 ngày dẫn đến việc tính thời gian xử lý hồ sơ bằng “ngày” là không hợp lý, đặc biệt là đối với các thủ tục hành chính có thời hạn xử lý ngắn (dưới 10 ngày);

- Đề nghị các Bộ, ngành có Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính dùng chung tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống, sớm hoàn thành việc xây dựng các biểu mẫu điện tử để UBND các cấp thực hiện việc ký số tất cả các giấy tờ, biểu mẫu qua đó thực hiện tốt việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

## **2. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường**

### *a) Các bất cập của quy định pháp lý:*

Liên quan đến thủ tục: “*Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao - mã số 1.002253*” và “*Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao - mã số 1.002040*”.

Tuy nhiên, qua thực tế thực hiện các quy trình nêu trên có một số vướng mắc liên quan đến trình tự thực hiện, cụ thể như sau: Để có cơ sở ký Hợp đồng thuê đất theo quy định; tính tiền sử dụng đất thì phải căn cứ giá đất đã được UBND tỉnh quyết định. Nhưng tại trình tự thực hiện quy định tại Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường không quy định bước xác định giá đất. Do vậy, hiện nay việc thực hiện ký Hợp đồng thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thủ tục nêu trên sau khi có Quyết định của UBND tỉnh là chưa có cơ sở để thực hiện.

## b) Kiến nghị, đề xuất

Kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung quy định thủ tục xác định giá đất vào Bộ thủ tục hành chính về đất đai.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính gửi Văn phòng Chính phủ đề tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Đ/c Nguyễn Bá Hoan - Thứ trưởng Bộ LĐTĐBXH;
  - Văn phòng Bộ LĐTĐBXH;
  - Cục KSTTHC-VPCP;
  - Chủ tịch UBND tỉnh;
  - PCT TT UBND tỉnh;
  - Chánh VP UBND tỉnh;
  - PCVP UBND tỉnh (Đ/c Thiên);
  - Công TTĐT tỉnh;
  - Lưu: VT, KSTT(Kh).
- (b/c)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Vinh**

